

NHỮNG QUAN NIỆM KHÁC NHAU TRONG LỊCH SỬ TRIẾT HỌC VỀ BẢN CHẤT, CON ĐƯỜNG NHẬN THỨC VÀ TIÊU CHUẨN CỦA CHÂN LÝ

NGUYỄN TẤN HÙNG (*)

Trong bài viết này, tác giả đã phân tích một số quan niệm khác nhau trong lịch sử triết học về bản chất, con đường nhận thức và tiêu chuẩn của chân lý. Đồng thời, tác giả cũng khẳng định rằng, trên cơ sở kế thừa những giá trị và khắc phục những hạn chế của các trào lưu triết học trước đó, triết học Mác - Lênin đã xây dựng quan niệm đúng đắn, khoa học về các vấn đề trên. Đặc biệt, với việc khẳng định nhận thức là sự phản ánh hiện thực khách quan bởi con người, chỉ rõ con đường biện chứng của nhận thức và thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý..., triết học Mác - Lênin thực sự có những đóng góp quan trọng vào sự phát triển lý luận nhận thức.

ấn đề bản chất, con đường nhận thức và tiêu chuẩn của chân lý là một trong những đề tài tranh luận gay gắt trong suốt lịch sử phát triển của tư duy nhân loại.

1. Về vấn đề bản chất và con đường nhận thức

Về bản chất của nhận thức, tựu trung có ba cách hiểu khác nhau: a) Quan điểm duy vật cho rằng, *nhận thức là sự phản ánh hiện thực khách quan*; b) Quan điểm duy tâm chủ quan cho rằng, *nhận thức là sự phản ánh trạng thái chủ quan* (như cảm giác, biểu tượng, xúc cảm ...), hoặc cho rằng, *tri thức có tính chất tiên nghiệm*, tức có sẵn trong đầu óc con người và c) Quan điểm duy tâm khách quan và tôn giáo cho rằng, *tri thức có bản chất siêu tự nhiên*, con người có được nhờ sự hồi tưởng, sự hòa nhập, sự đón ngộ, sự mặc khải, niềm tin, v.v..

Từ các cách hiểu khác nhau về bản chất của nhận thức, hình thành những quan niệm khác nhau về *con đường nhận thức*.

Các quan điểm duy vật trong lịch sử đều khẳng định rằng, tri thức không phải là cái có sẵn trong đầu óc con người; nhận thức là quá trình con người phản ánh thế giới khách quan; nhận thức *xuất phát từ nhận*

thức cảm tính (nhận thức bằng giác quan) và *phát triển lên trình độ, giai đoạn cao hơn là nhận thức lý tính* (nhận thức bằng tư duy trừu tượng).

Ở Hy Lạp cổ đại, Hêraclít thừa nhận cảm giác là điểm xuất phát của nhận thức, nhưng theo ông, nhận thức cảm tính chỉ cho ta biết cái bề ngoài, vì “giới tự nhiên thích giấu mình”; do đó, tư duy phải tiến lên nhận thức được cái *logos* của vũ trụ. Đêmocrit, đại biểu xuất sắc của trường phái nguyên tử luận, cũng thừa nhận nhận thức bắt nguồn từ cảm tính, nhưng nhận thức cảm tính là “sự nhận thức mờ tối”, chỉ có nhận thức lý tính mới cho ta biết được nguyên tử.

Tuân Tử ở Trung Hoa cổ đại coi cảm giác là nguồn gốc của tri thức, nhưng theo ông, cảm giác có thể sai lầm; do đó, con người phải có cái “tâm” (khái niệm “tâm” được các nhà duy vật hiểu là *tư duy*) sáng suốt thì mới đạt được tri thức đúng đắn.

Phật giáo Ấn Độ cổ đại lại phủ nhận vai trò của nhận thức cảm tính và nhận thức

(*) Tiến sĩ triết học, Chủ nhiệm Khoa Mác - Lênin, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

lý tính; cho rằng, cả hai loại nhận thức này chỉ cho ta những *mê kiến*. Để nhận thức được chân lý, người tu hành phải dứt bỏ mọi ham muốn, dục vọng đời thường, để cho tâm hồn thật sự thanh tịnh, yên tĩnh. *Niết bàn* (*Nirvana* trong tiếng Phạn có nghĩa đen là *sự dập tắt*) là một trạng thái bên trong của tư duy khi ngọn lửa tham, sân, si đã hoàn toàn bị dập tắt. Khi đó, con người mới thật sự thoát ra khỏi trạng thái *vô minh* (sự ngu dốt, sự che lấp bởi những mê kiến) và đạt đến *sự bừng sáng* của tư duy (sự giác ngộ), sự nhận thức trực tiếp bản chất của sự vật (sự đốn ngộ).

Ở phương Tây, trong truyền thống Do Thái - Kitô, Kinh Thánh (Cựu ước và Tân ước) được coi là toàn bộ tri thức được Chúa Trời *mặc khải* cho con người thông qua Môxe (Moses), Giêxu (Jesus)... Trong sách *Khải huyền* (Revelation), kinh cuối cùng trong Kinh thánh trọn bộ Cựu ước và Tân ước, chương 22 điều 18 và 19 có viết: "Ai mà thêm điều gì vào đó, thì Thiên Chúa sẽ thêm cho người ấy tai ương mô tả trong sách này!".

Ai mà bớt điều gì trong các lời ở sách sấm ngôn này, thì Thiên Chúa sẽ bớt phần người ấy được hưởng về cây Trường sinh và Thành thánh đã được mô tả trong sách này!"(1).

Đối lập với Kitô giáo, Hồi giáo lại coi Kinh Côran - ra đời vào thế kỷ thứ VII là *lời tiên tri cuối cùng, chính xác nhất, đầy đủ nhất* do Chúa Trời mặc khải cho nhà tiên tri Môhamét (Muhammad), còn các kinh sách khác được các nhà tiên tri (như Môxe, Giêxu, v.v...) truyền đạt trước đó đều thiếu sót và có nhiều điều nhầm lẫn.

Suốt thời Trung cổ, các nhà thần học Kitô giáo coi *niềm tin là cội nguồn cao nhất* của tri thức con người. Con người phải có

lòng tin tuyệt đối vào tất cả những tín điều, ngay cả khi chúng trái với lý tính thông thường. Tectulieng (160-230) nói: "Tôi tin, bởi vì điều đó là phi lý". Ôguýtxtanh, Tômát Đacanh,... đều cho rằng, *niềm tin cao hơn lý trí*; triết học (theo cách hiểu lúc bấy giờ là *khoa học nói chung*) phải phục tùng tôn giáo, là "đầy tớ" của tôn giáo.

Sau đêm trường Trung cổ, đến thời kỳ Phục hưng, các nhà triết học và khoa học như Côpecníc, Brunô, Galilê bắt đầu *tuyên chiến với niềm tin tôn giáo* bằng việc đưa ra và phát triển *thuyết nhật tâm* để chống lại thuyết địa tâm. Đến thế kỷ XVII - XVIII, do sự phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và nhu cầu của cuộc cách mạng tư sản, các học giả của giai cấp tư sản đang lên dựa vào thành tựu của khoa học thực nghiệm để *bác bỏ con đường nhận thức bằng niềm tin*. Một số nhà triết học, như Ph.Bêcơn, R.Đêcátơ đã lấy *ngghi ngờ làm nguyên tắc xuất phát* cho nhận thức khoa học. Các nhà triết học Anh, như Ph.Bêcơn, T.Hốpxơ, G.Lốccơ coi quan sát, thực nghiệm khoa học và phương pháp quy nạp là con đường duy nhất để đạt được tri thức khoa học, từ đó hình thành một truyền thống trong triết học Anh: *chủ nghĩa kinh nghiệm*.

Chủ nghĩa kinh nghiệm (Empiricism) có *hạt nhân hợp lý* của nó trong việc chống lại quan niệm cổ truyền rút tri thức từ kinh sách, hoặc từ đầu óc chủ quan thuần túy bằng *phương pháp tư biện*. Tuy nhiên, chủ nghĩa kinh nghiệm có thiếu sót cơ bản khi coi quan sát và thực nghiệm là *cơ sở, nguồn gốc duy nhất* của mọi tri thức, phủ nhận độ

(1) Toà Tổng giám mục Thành phố Hồ Chí Minh. *Kinh Thánh trọn bộ Cựu ước và Tân ước*. Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1998, tr.2308 - 2309.

tin cậy của những tri thức có được bằng tư duy lý luận. Chủ nghĩa kinh nghiệm thường có hệ quả là *chủ nghĩa duy tâm chủ quan*. Những nhà triết học Anh, như G.Béccoli, Đ.Hium coi cảm giác là thực tại duy nhất, phủ nhận thực tại khách quan, phủ nhận chân lý khách quan và tri thức rút ra bằng con đường suy luận. Đ.Hium bác bỏ quan niệm về hai giai đoạn nhận thức của các nhà duy vật, chỉ thừa nhận tri giác cảm tính và coi lý trí chỉ là “nô lệ của những đam mê” mà thôi(2).

Ở phương Tây hiện đại, truyền thống kinh nghiệm chủ nghĩa cũng được các nhà triết học thuộc trường phái *chủ nghĩa thực chứng mới*, như B.Rátxen (1872 - 1970), L.Wittgenstein (1889 - 1951) và R.Cácnap (1891 - 1970)... phát triển và vận dụng. Trong *Tri thức của chúng ta về thế giới bên ngoài* (1926) và *Tìm hiểu về ý nghĩa và chân lý* (1962), Rátxen giải thích rằng: mọi tri thức thực sự của chúng ta đều được xây dựng từ những kinh nghiệm trực tiếp(3).

Các nhà triết học thuộc trường phái *chủ nghĩa thực dụng* ở Mỹ cũng là những người vận dụng chủ nghĩa kinh nghiệm trong lý luận nhận thức. W.James đã gọi hệ thống triết học của mình là *chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để* (radical empiricism) và J.Dewey gọi triết học của mình là *chủ nghĩa kinh nghiệm trực tiếp* (immediate empiricism)(4).

Chủ nghĩa duy lý (rationalism) là trào lưu triết học đối lập với chủ nghĩa duy cảm, chủ nghĩa kinh nghiệm. Đại biểu của khuynh hướng này là R.Décácơ - nhà triết học Pháp, B.Xpinôda - nhà triết học Hà Lan và G.W.Lépniét - nhà triết học Đức. Nếu chủ nghĩa kinh nghiệm tuyệt đối hóa nhận thức cảm tính thì các nhà triết học duy lý lại khẳng định rằng, *lý tính con*

người có thể nhận thức được thế giới một cách độc lập với kinh nghiệm cảm tính. Họ tuyệt đối hóa vai trò của nhận thức lý tính, coi thường kinh nghiệm cảm tính.

Cả chủ nghĩa kinh nghiệm và chủ nghĩa duy lý đều *phạm phải sai lầm là sự phiến diện khi tuyệt đối hóa một mặt của nhận thức*.

Chủ nghĩa duy lý phê phán (còn có tên khác là *Triết học khoa học*) với đại biểu xuất sắc là C.Pốppơ (1902 - 1994) có ý định kết hợp chủ nghĩa duy lý với một số yếu tố của chủ nghĩa kinh nghiệm. Trong tác phẩm *Lôgic của phát minh khoa học* (The Logic of Scientific Discovery), C.Pốppơ bác bỏ phương pháp quy nạp của các nhà kinh nghiệm chủ nghĩa. Theo ông, phương pháp quy nạp không thể xác lập tri thức đúng đắn. Chẳng hạn, trong hàng nghìn năm, dựa trên sự quan sát, người châu Âu đi đến kết luận *mọi con thiên nga đều có lông trắng*, nhưng mệnh đề này lập tức biến thành sai lầm khi người ta phát hiện ra thiên nga ở châu Úc có lông đen. Tương tự như vậy, chúng ta không thể quan sát hết vũ trụ; do đó, không thể khẳng định được quy luật của vũ trụ bằng con đường quy nạp. C.Pốppơ cho rằng, tri thức khoa học chỉ có thể rút ra từ *trực giác* của các nhà khoa học và phát triển nó bằng con đường *suy luận diễn dịch* mà thôi.

Quan điểm triết học khoa học của C.Pốppơ được T.Kuhn (1922 - 1996) - nhà triết học Mỹ phát triển. Trong *Cơ cấu của những cuộc cách mạng khoa học* (1962), Kuhn luận chứng quan điểm cho rằng, tất

(2) T.Z.Lavin. *From Socrates to Sartre: A philosophic Quest* (Từ Xôcrat đến Xactơơ: Sự đi tìm triết học), Bantam Books, New York, 1989, p.170-171.

(3) Xem: Encarta Reference Library DVD 2005. *Bertrand Russell*. Microsoft Corporation.

(4) *Empiricism*. Ibid.

cả các nhà khoa học đều xuất phát từ một *hệ chuẩn* (paradigm) nào đó, như là *hệ thống những tín điều có tính chất chủ quan* để suy diễn ra toàn bộ hệ thống khoa học của mình. Cuộc cách mạng trong khoa học được đánh dấu bằng sự thay thế một hệ chuẩn này bằng một hệ chuẩn khác; chẳng hạn, sự thay thế hệ chuẩn của Niuton về một vũ trụ cơ giới bằng hệ chuẩn của Anhtanh về một vũ trụ tương đối. Mỗi hệ chuẩn chẳng qua là một cách giải thích hơn là tri thức khách quan(5).

Chủ nghĩa kinh nghiệm với phương pháp quy nạp và chủ nghĩa duy lý với phương pháp diễn dịch đều chứa đựng những hạt nhân hợp lý và những đóng góp nhất định. Tuy nhiên, mỗi khuynh hướng đó đều có những hạn chế: ví dụ, kinh nghiệm cảm tính và phương pháp quy nạp chỉ đem lại *những tri thức ít ỏi* về các nguyên lý, quy luật chung; nếu không có phương pháp diễn dịch thì không thể tìm ra tri thức mới, không thể áp dụng các nguyên lý, quy luật vào đời sống và hoạt động thực tiễn được. Hình học Óclít chỉ xuất phát từ một số tiên đề hiển nhiên được rút ra từ kinh nghiệm thực tiễn; từ đó, hình thành nên một hệ thống tri thức hình học đồ sộ nhờ phương pháp diễn dịch. Ngược lại, phương pháp suy diễn không thể thực hiện được nếu không có những tiên đề được rút ra bằng phương pháp quy nạp. Các nhà duy lý tưởng rằng tri thức của mình được suy diễn từ những tiên đề đã có sẵn, từ *trực giác thuần túy*; song họ lại không biết một sự thực là, những tiên đề này hoàn toàn *không có tính chất bẩm sinh, tiên nghiệm* mà là *kết quả của hoạt động thực tiễn lặp đi lặp lại hàng triệu lần* của nhân loại, nên được coi là tri thức hiển nhiên và không bác bỏ được. Ngoài ra,

không phải bất cứ điều gì được rút ra bằng phương pháp suy diễn cũng đều trở thành chân lý.

Là nhà khoa học lý thuyết, tất nhiên A.Anhtanh *không ủng hộ chủ nghĩa kinh nghiệm*, nhưng ông cũng *chỉ ra những hạn chế của chủ nghĩa duy lý*. Anhtanh khẳng định: “Đúng là niềm tin cần phải dựa một cách tốt nhất trên kinh nghiệm và tư duy. Về điểm này, ta phải đồng ý một cách không ngần ngại với những người duy lý cực đoan. Tuy nhiên, điểm yếu của quan điểm này là ở chỗ, nhiều điều tin tưởng đóng vai trò tất yếu và quyết định hành vi ứng xử và sự phán xét của chúng ta lại không chỉ được tìm thấy bằng phương pháp khoa học cứng nhắc. Bởi vì, phương pháp khoa học chỉ dạy cho chúng ta không có gì khác hơn là các sự kiện liên hệ với nhau, quy định lẫn nhau như thế nào... Tuy nhiên, cũng rõ ràng rằng tri thức về cái đang tồn tại sẽ không mở cửa trực tiếp đi đến tri thức về cái sẽ phải tồn tại. Một người có thể có tri thức rõ ràng nhất, hoàn chỉnh nhất về cái đang tồn tại, nhưng không thể từ đó suy diễn ra rằng cái gì sẽ là mục đích của những khát vọng của con người chúng ta”(6)

Trên cơ sở kế thừa những giá trị và khắc phục những hạn chế của các trào lưu triết học trong lịch sử về bản chất và con đường nhận thức, triết học Mác - Lênin vạch ra rằng, *nhận thức là sự phản ánh hiện thực khách quan bởi con người*, thế giới khách quan tồn tại độc lập với nhận thức, là

(5) Xem: Roger Jones. *Philosophy of Science* (Triết học về khoa học), 2005, <http://www.philosopher.org.uk/sci.htm>.

(6) Carl Seelig. *Albert Einstein: Ideas and Opinions* (Anhtanh: Tư tưởng và quan điểm). New York, 1954, Bonzana Books, pp. 8 - 11.

khách thể của nhận thức và con người là chủ thể của nhận thức. Triết học Mác - Lênin bác bỏ quan điểm nhận thức luận của chủ nghĩa duy tâm chủ quan. Sai lầm của các nhà triết học thuộc trào lưu này là ở chỗ, họ không thấy rằng, *những phán đoán, suy luận đều dựa trên những tài liệu đã có sẵn trong đầu óc con người và đó đều có nguồn gốc khách quan*, là sự phản ánh cái khách quan thông qua các giác quan của chúng ta, là “hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan”. Triết học Mác - Lênin cũng bác bỏ quan điểm duy tâm khách quan về bản chất siêu tự nhiên, thần thánh của tri thức. Đồng thời, nó còn khắc phục những hạn chế của quan điểm duy vật trước đó và bổ sung thêm một số đặc trưng mới của nhận thức, như *tính sáng tạo* (nhận thức không phải là sự sao chép đơn giản, máy móc, mà là sự phản ánh sáng tạo), *tính biện chứng* của quá trình nhận thức chân lý (nhận thức là quá trình đi từ chưa biết đến biết, từ biết ít đến biết nhiều, từ hiện tượng đến bản chất, từ bản chất ít sâu sắc đến bản chất sâu sắc hơn; là quá trình nảy sinh và giải quyết mâu thuẫn, từ sự thay đổi về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất, là cái mới phủ định cái cũ).

Về con đường nhận thức, triết học Mác - Lênin không thừa nhận bất cứ con đường nhận thức nào khác ngoài nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính. V.I.Lênin đã khẳng định rằng, “*Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, và từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn* - đó là con đường biện chứng của sự nhận thức *chân lý*, của sự nhận thức thực tại khách quan”(7). “*Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng*” (tức là từ nhận thức cảm tính đến nhận thức lý tính) là điều mà các nhà triết học trước Mác ít nhiều đã nói đến; nhưng

“*từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn*” thì thực sự là sự đóng góp và phát triển của triết học Mác - Lênin đối với lý luận nhận thức.

2. Về vấn đề tiêu chuẩn của chân lý

Một quan niệm, tư tưởng, niềm tin chỉ trở thành tri thức, trở thành chân lý khi nó được chứng minh, được xác nhận là đúng đắn. Cái có thể chứng minh, xác nhận tính đúng đắn của một phán đoán, quan niệm, tư tưởng được coi là “*tiêu chuẩn*” (criterion) của chân lý.

Một số khuynh hướng triết học, như chủ nghĩa hiện sinh, triết học khoa học *phủ nhận chân lý khách quan*; cho rằng *sự vật không có một bản chất khách quan nào* và con người cũng *không có tiêu chuẩn khách quan nào* để xác định một quan niệm, tư tưởng nào đó là đúng hay không đúng. Chủ nghĩa hiện sinh *không thừa nhận bản chất, tính tất yếu, tính quy luật khách quan* của các sự vật; từ đó, quả quyết rằng, con người được *tự do tuyệt đối* trong việc lựa chọn niềm tin và hành động của mình. Đối với họ, sự vật không có giá trị khách quan; trái lại, giá trị của sự vật được quyết định bởi *sự lựa chọn xuất phát từ cảm xúc chủ quan* của từng cá nhân. “*Hiện sinh có trước bản chất*” (L'existence précède l'essence) là một luận điểm quan trọng của J.P.Xác-tơ-rơ - nhà triết học hiện sinh Pháp.

Đa phần những khuynh hướng nhận thức luận còn lại tuy có thừa nhận chân lý, nhưng lại đưa ra nhiều căn cứ, tiêu chuẩn khác nhau. Tựu trung lại, có một số nhóm quan niệm sau: a) Tôn giáo coi *điều gì được nhiều người tin và thừa nhận* là chân lý; b) Chủ nghĩa duy lý lấy *quy tắc logic* làm tiêu chuẩn duy nhất của chân lý; c) Chủ nghĩa

(7) V.I. Lênin. *Toàn tập*, t.29. Nxb Tiến bộ Mátxcova, 1981, tr. 179.

kinh nghiệm lấy *kinh nghiệm cảm tính* (quan sát và thực nghiệm khoa học); d) Chủ nghĩa thực dụng lấy *lợi ích, hiệu quả thực tế*; e) Chủ nghĩa Mác - Lênin lấy *thực tiễn* làm tiêu chuẩn của chân lý.

Theo quan niệm của tôn giáo, không có gì là tiêu chuẩn để kiểm tra những điều được ghi trong các sách thánh, ngoài *niềm tin*. Chẳng hạn, không có một sự quan sát, thực nghiệm, hay lập luận logic nào có thể xác định tính chân thực của những tín điều nói về Chúa Trời sáng tạo nên thế giới trong bảy ngày, về tội tổ tông, về trận đại hồng thủy, về ngày tận thế, v.v.. Tôn giáo cho rằng, niềm tin vừa là tri thức, vừa là *tiêu chuẩn cao nhất* của chân lý; bởi vì, niềm tin là cái bẩm sinh do Chúa Trời ban cho mỗi người. Tuy nhiên, các nhà triết học duy vật lại kiên quyết bác bỏ quan niệm coi niềm tin là cội nguồn của tri thức, là tiêu chuẩn của chân lý. Thử hỏi, nếu niềm tin là cái bẩm sinh, là do Chúa Trời ban cho con người, thì *tại sao loài người lại không có chung một niềm tin*. Trên thực tế, Phật giáo không tin Chúa Trời, người vô thần thì không tin thần thánh nói chung, Hồi giáo không tin Giêxu (Kitô) là con của Chúa Trời; Kitô giáo cũng không tin Đấng Tiên tri Môhamét của Hồi giáo; Tin Lành phủ nhận sự đồng trinh của Đức Mẹ Maria. Ngay cả trong nội bộ một tôn giáo cũng có những niềm tin đối lập nhau, dẫn đến những cuộc chiến tranh, xung đột đẫm máu giữa các giáo phái.

Một số nhà khoa học đứng trên lập trường của chủ nghĩa kinh nghiệm tuy thừa nhận có chân lý, nhưng lại lấy *kinh nghiệm cảm tính* là căn cứ duy nhất để kiểm tra tính chân thực của những phán đoán khoa học. Theo *nguyên tắc tính có thể*

chứng thực được (verifiability principle, dịch tắt là *nguyên tắc thực chứng*) do R.Các-náp, đại biểu của *chủ nghĩa kinh nghiệm logic* (Logical Empiricism) đưa ra, các mệnh đề lý luận được phân tích thành *những mệnh đề có ý nghĩa khoa học* (là những mệnh đề có thể chứng minh hay bác bỏ bằng quan sát và thực nghiệm) và *những mệnh đề không có ý nghĩa khoa học* (những mệnh đề không thể dùng quan sát và thực nghiệm để kiểm tra được). Chỉ có những mệnh đề được quan sát và chứng minh bằng thực nghiệm thì mới được coi là *những mệnh đề chân thực* mà thôi. Như vậy, chủ nghĩa kinh nghiệm logic đã loại bỏ những tri thức thuộc về thế giới quan, những quan niệm mỹ học, đạo đức học và những tri thức của các ngành khoa học lý thuyết (trừ toán học và logic học hình thức).

Đối lập với chủ nghĩa thực chứng, *triết học khoa học* của C.Pốppơ bác bỏ quan niệm của các nhà *triết học thực chứng* về khả năng có thể chứng minh tính chân thực của một phán đoán, một lý thuyết bằng con đường kinh nghiệm và phương pháp quy nạp. Theo ông, kinh nghiệm (quan sát, thực nghiệm) chỉ có thể *chứng minh sự sai lầm* của những mệnh đề. Từ đó, C.Pốppơ bác bỏ *nguyên tắc thực chứng* và đưa ra *nguyên tắc tính có thể chứng minh sự sai lầm* (falsifiability principle, tạm dịch là *nguyên tắc phủ chứng*). Như vậy, theo C.Pốppơ, tri thức khoa học *được rút ra từ trực giác* của các nhà khoa học; nếu những tri thức này chưa bị kết quả thực nghiệm bác bỏ thì chúng tạm thời được chấp nhận như là những *giả thuyết*. Tuy nhiên, phương pháp suy diễn cũng không có gì đảm bảo tính chân thực của những

phán đoán khoa học; ngoài ra, cũng không có phương pháp nào để chứng minh tính chân thực của chúng. Do đó, không có chân lý khoa học nào được thiết lập cả. Quá trình tiến triển của tri thức khoa học là quá trình người ta đưa ra các giả thuyết, là sự thay thế một giả thuyết (sau khi đã chứng minh được sự sai lầm của nó) bằng một giả thuyết mới mà người ta tạm thời chấp nhận (vì chưa chứng minh được sự sai lầm của nó). Như vậy, khoa học không phải là quá trình đi tìm chân lý, mà chỉ là một chuỗi những sai lầm nối tiếp nhau mà thôi.

Khác với chủ nghĩa thực chứng và triết học khoa học, những nhà triết học theo chủ nghĩa thực dụng Mỹ, như C.S.Perico, W.James và J.Dewey lại lấy tiêu chuẩn *lợi ích, sự hữu dụng, hiệu quả thực tế* là thước đo tính đúng đắn của tư tưởng. W.James cho rằng, *chân lý là những gì hữu dụng, đem lại kết quả thực tế*. Hạn chế của quan điểm này là lấy *lợi ích cục bộ, hiệu quả trước mắt* làm tiêu chuẩn đánh giá tính chân thực của tư tưởng, cho rằng *con người có thể sử dụng bất cứ phương tiện nào miễn là đạt được mục đích*, mà không nhìn thấy sự thống nhất giữa phương tiện với mục đích.

Nhận thức là hoạt động chủ quan của con người, do đó kết quả nhận thức phải được kiểm tra bằng những yếu tố khách quan; còn *niềm tin, quy tắc logic, lợi ích* cũng là những cái *chủ quan* nên không thể dùng làm tiêu chuẩn của chân lý. Vì thế, lý luận nhận thức của triết học Mác - Lênin coi *thực tiễn mới là tiêu chuẩn đích thực của chân lý*. Thực tiễn bao gồm *toàn bộ những hoạt động vật chất có tính xã hội - lịch sử của loài người trong quá trình cải tạo tự nhiên và xã hội*. Với tư cách là tiêu chuẩn của chân lý, thực tiễn được xem xét

trong phạm vi rộng lớn và thời gian lâu dài, tùy theo tính chất phức tạp của vấn đề lý luận cần được kiểm chứng. Nếu chỉ dựa vào tài liệu quan sát và thực nghiệm khoa học, sự thành công hay thất bại trong cuộc sống của một vài cá nhân, của một số hoạt động trong phạm vi thời gian và không gian hạn hẹp thì *chưa đủ cơ sở vững chắc đủ để khẳng định hay bác bỏ một quan niệm, một lý thuyết nào đó*.

Cần khẳng định rằng, khi coi thực tiễn là *tiêu chuẩn của chân lý*, triết học Mác - Lênin chẳng những không loại bỏ quan niệm của chủ nghĩa kinh nghiệm, chủ nghĩa duy lý về *vai trò của hoạt động quan sát và thực nghiệm khoa học, về vai trò của những quy tắc toán học và logic học* hoặc quan niệm của chủ nghĩa thực dụng về *hiệu quả, công dụng thực tế* với tính cách là *những yếu tố kiểm tra tính chân thực của tư tưởng*, mà còn bao hàm trong nó những yếu tố hợp lý, bổ sung và khắc phục những hạn chế của các quan niệm đó.

Tuy nhiên, theo quan điểm của triết học Mác - Lênin, *tiêu chuẩn thực tiễn cũng có tính tương đối*. Thực tế cho thấy, năng lực và phạm vi hoạt động thực tiễn của loài người trong một thời kỳ nhất định không thể thoát khỏi những hạn chế lịch sử, do đó những tri thức đã được thực tiễn kiểm nghiệm cũng chưa thoát khỏi tính tương đối của nó, mặc dù trong đó đã chứa đựng những yếu tố tuyệt đối. Vì vậy, việc *thường xuyên đối chiếu với thực tiễn để kiểm tra, đổi mới và phát triển tri thức* là điều tất nhiên và cần thiết. Yêu cầu này có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với việc nhận thức lại, không ngừng đổi mới, phát triển và hoàn thiện lý luận về chủ nghĩa xã hội. □